

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THỚI BÌNH
TỈNH CÀ MAU**

Bản án số: 209/2023/HNGĐ-ST
Ngày 29 tháng 11 năm 2023
“V/v xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỚI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Kim Cương
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trần Văn Thắng
Ông Trần Phi Hùng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Hồng Như – Là thư ký Tòa án nhân dân huyện Thới Bình.

Ngày 29 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thới Bình xét xử sơ thẩm vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 275/2023/TLST- HNGĐ ngày 09 tháng 10 năm 2023 về việc yêu cầu xin ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 81/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Quách Hằng N, sinh năm 1996 (có mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp 9, xã T, huyện B, tỉnh Cà Mau.
- *Bị đơn:* Anh Lê Phú N1, sinh năm 1995 (vắng mặt)
Địa chỉ cư trú: Ấp TĐ, xã P, huyện B, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Nguyên đơn chị Quách Hằng N trình bày tại đơn khởi kiện và được bổ sung tại phiên tòa như sau:*

Về hôn nhân: Chị và anh Lê Phú N1 chung sống với nhau vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Phú, huyện Thới Bình vào ngày 26/02/2016. Trong thời gian chung sống đến nay hai vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi, xung đột gia đình xảy ra không hàn gắn được. Nguyên nhân do anh N1 không quan tâm đến vợ con. Nên chị và anh N1 đã ly thân khoảng 03 tháng nay. Chị xác định hiện vợ chồng chung sống không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh Lê Phú N1.

Về con chung: Chị và anh Lê Phú N1 có 02 con chung tên Lê Thị Chúc L, sinh ngày 06/5/2018 và Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/10/2022. Cháu L đang sống cùng anh N1, cháu Đ đang sống cùng chị. Khi ly hôn chị yêu cầu nuôi 02 con chung và yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật là 900.000 đồng/tháng cho mỗi người con đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Chị xác định để vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Chị và anh N1 không có nợ chung.

- Đối với anh Lê Phú N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa xét xử lần thứ hai nhưng anh N1 vẫn vắng mặt không có lý do, cũng không có văn bản ý kiến gửi đến Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nội dung tranh chấp giữa chị Quách Hằng N và anh Lê Phú N1 được xác định là tranh chấp về ly hôn, bị đơn anh Lê Phú N1 có nơi cư trú tại xã Tân Phú, huyện Thới Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thới Bình theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về thủ tục tố tụng: Anh Lê Phú N1 đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập xét xử lần thứ hai theo quy định nhưng anh N1 vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh N1 theo quy định tại các Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Chị Quách Hằng N và anh Lê Phú N1 xác lập quan hệ vợ chồng vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B theo quy định của pháp luật nên hôn nhân của anh chị được công nhận là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Hiện chị N yêu cầu xin ly hôn với anh N1. Theo lời trình bày của chị N tại phiên tòa do vợ chồng sống không hợp nhau, và có nhiều mâu thuẫn, anh N1 không quan tâm chăm lo gia đình nên anh chị đã ly thân khoảng 03 tháng nay, trong suốt thời gian ly thân anh N1 không tới lui thăm con. Đồng thời, trong suốt thời gian chị N yêu cầu ly hôn tại Tòa án thì anh N1 không đến Tòa án để hòa giải cũng như không gửi ý kiến của mình cho Tòa án, điều đó chứng tỏ anh N1 cũng không có ý thức hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy, cuộc sống chung giữa chị Quách Hằng N và anh Lê Phú N1 mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, hiện chị Quách Hằng N và anh Lê Phú N1 mỗi người đã có cuộc sống riêng, không ai quan tâm chăm sóc ai. Do đó, có cơ sở chấp nhận lời trình bày và yêu cầu của chị N về việc xin ly hôn với anh N1.

[3] Về con chung: Chị Quách Hằng N và anh Lê Phú N1 có 02 con chung tên là Lê Thị Chúc L, sinh ngày 06/5/2018 và Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/10/2022. Cháu Lam đang sống cùng anh N1, cháu Đăng đang sống cùng chị N. Khi ly hôn chị N yêu cầu nuôi 02 con chung.

Xét thấy, cháu Lê Thị Chúc L hiện dưới 06 tuổi, cháu Lê Khánh Đ dưới 03 tuổi các cháu còn nhỏ rất cần sự quan tâm chăm sóc của mẹ. Hơn nữa, anh N1 cũng không đến Tòa án để trình bày ý kiến hoặc có văn bản gửi đến tòa án đối với yêu cầu về việc nuôi của chị N. Do đó, nên tiếp tục giao cháu Đ cho chị N trực tiếp chăm sóc và buộc anh N1 giao cháu L cho chị N nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi mỗi người con mỗi tháng 900.000 đồng cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh N1 không có ý kiến gửi đến Tòa án.

Hội đồng xét xử xét thấy, căn cứ khoản 2 Điều 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau

khi ly hôn như sau: “*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*”. Việc cấp dưỡng nuôi con là quyền lợi của con. Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa anh N1 vắng mặt cũng không có ý kiến về yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của chị N. Cho nên, căn cứ lời khai của chị N, anh N1 có công việc là làm công nhân, căn cứ chi phí hợp lý ăn uống, học hành của các cháu tại địa phương. Nên chị N yêu cầu anh N1 cấp dưỡng nuôi mỗi người con 900.000 đồng/tháng là phù hợp với khả năng kinh tế của anh N1 nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Anh N1 không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung: Chị N xác định chị N và anh N1 không có tài sản chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về nợ chung: Chị N khai không nợ ai nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình: Chị N phải chịu. Anh N1 phải chịu án phí về cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, 207, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị Quách Hằng N về việc xin ly hôn với anh Lê Phú N1.

Về con chung: Giao 02 chung tên Lê Thị Chúc L, sinh ngày 06/5/2018 và Lê Khánh Đ, sinh ngày 01/10/2022. Cháu L đang sống cùng anh N1, cháu Đ đang sống cùng chị N cho chị N trực tiếp nuôi dưỡng chăm sóc.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh Lê Phú N1 phải cấp dưỡng nuôi cháu Lê Thị Chúc L và Lê Khánh Đ mỗi tháng 1.800.000 đồng/02 cháu. Cho đến khi Lam và cháu Đ đủ 18 tuổi. Thời hạn cấp dưỡng tính kể từ ngày bản án có hiệu lực.

Kể từ ngày chị N có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh N1 không tự nguyện thi hành xong khoản tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự và Luật Thi hành án dân sự.

Anh N1 không trực tiếp nuôi con, nhưng có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản chung; nợ chung: Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, chị Quách Hằng N phải chịu. Chị N đã nộp tạm ứng án phí số tiền 300.000 đồng theo biên lai số 0003869 vào ngày 06/10/2023 được đối trừ, chị N đã nộp đủ. Án phí về cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng anh N1 phải nộp, (chưa nộp).

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Chị Quách Hằng N có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Lê Phú N1 quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được Nêm yết.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Cà Mau;
- VKSND huyện Thới Bình;
- UBND xã Tân Phú, huyện Thới Bình;
- Chi cục THA dân sự huyện Thới Bình;
- Đương sự;
- Lưu Hồ sơ; VT.

Phạm Kim Cương